

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN
Tổ Ngữ văn

MA TRẬN ÔN TẬP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II – MÔN NGỮ VĂN LỚP
11
NĂM HỌC 2021-2022

I/ Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức - kỹ năng theo tiến độ chương trình.
- Đánh giá việc HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng làm bài đọc - hiểu.
- Thấy được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm thơ hiện đại Việt Nam (*Lưu biệt khi xuất dương* (Phan Bội Châu); *Hầu Trời* (Tản Đà); *Vội vàng* (Xuân Diệu); *Tràng giang* (Huy Cận); *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử); *Chiều tối* (Hồ Chí Minh); *Từ ấy* (Tố Hữu)
- Hiểu được đặc trưng thể loại thơ Việt Nam hiện đại.
- Thấy được sự cần thiết phải vận dụng kết hợp phương thức diễn đạt và các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận. Biết được kỹ năng làm bài nghị luận văn học về một bài thơ / đoạn thơ.

2. Năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS:

*** Năng lực đặc thù: Đọc, Viết**

- Nhận diện được các kiến thức về đọc – hiểu văn bản
- Vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để viết bài văn nghị luận về bài thơ / đoạn thơ đã học trong chủ đề.
- Trình bày được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.

*** Năng lực chung: Tự chủ tự học; Giải quyết vấn đề**

Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi viết bài, làm bài.

*** Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, Trách nhiệm**

- Trân trọng những giá trị của nền văn học dân tộc.
- Sống có lí tưởng, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước.

II/ Hình thức đề :

- Hình thức tự luận
- Thời gian: 90p

III/ Thiết lập ma trận

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức								Tổng		% Tổng điểm
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
		Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (phút)	Số câu hỏi	Thời gian (phút)	
1	Đọc hiểu	15	10	10	5	5	5	0	0	04	20	30
2	Viết bài nghị luận văn học	25	15	20	15	15	25	10	15	01	70	70
Tổng		40	25	30	20	20	30	10	15	05	90	100
Tỉ lệ %		40		30		20		10				100
Tỉ lệ chung		70						30				100

Lưu ý:

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.
- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong Đáp án/Hướng dẫn chấm.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	ĐỌC HIỂU	Nghị luận hiện đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định thông tin được nêu trong văn bản/đoạn trích. - Nhận diện được phương thức biểu đạt, thao tác lập luận, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... trong văn bản/đoạn trích. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các thành phần nghĩa của câu; nội dung của văn bản/đoạn trích. - Hiểu được cách triển khai lập luận, ngôn ngữ biểu đạt; các biện pháp tu từ, đặc trưng của phong cách ngôn ngữ... trong văn bản/đoạn trích. - Hiểu được những đặc điểm cơ bản của nghị luận hiện đại thể hiện trong văn bản/đoạn trích. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản/đoạn trích; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản/đoạn trích. - Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. 	2	1	1	0	4

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
3	VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	<p>Nghị luận về một bài thơ/đoạn thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lưu biệt khi xuất dương</i> (Phan Bội Châu) - <i>Hầu Trời</i> (Tản Đà) - <i>Vội vàng</i> (Xuân Diệu) - <i>Tràng giang</i> (Huy Cận) - <i>Đây thôn Vĩ Dạ</i> (Hàn Mặc Tử) - <i>Chiều tối</i> (Hồ Chí Minh) - <i>Từ áy</i> (Tố Hữu) 	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài nghị luận; vấn đề nghị luận. - Giới thiệu tác giả, bài thơ, đoạn thơ. - Nêu nội dung cảm hứng, hình tượng nhân vật trữ tình, đặc điểm nghệ thuật nổi bật... của bài thơ/đoạn thơ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ theo yêu cầu của đề: tình cảm quê hương, tư tưởng yêu nước; tình yêu trong sáng cao thượng; quan niệm thẩm mỹ và nhân sinh mới mẻ...; sự kế thừa các thể thơ truyền thống và hiện đại hóa thơ ca về ngôn ngữ, thể loại, hình ảnh,... - Lí giải được một số đặc điểm của thơ hiện đại từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kỹ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ. 					

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức/ kỹ năng	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; vị trí, đóng góp của tác giả. Vận dụng cao: - So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. 					
Tổng							5	
Tỉ lệ %				40	30	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

ĐỀ MINH HOẠ:

Phần 1 - Đọc hiểu (3 điểm): Đọc văn bản sau:

Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp. Nhiều người ngoại quốc sang thăm nước ta và có dịp nghe tiếng nói của quần chúng nhân dân ta, đã có thể nhận xét rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng giàu chất nhạc. Họ không hiểu tiếng ta, và đó là một ấn tượng, ấn tượng của người “nghe” và chỉ nghe thôi. Tuy vậy lời bình phẩm của họ có phần chắc không phải chỉ là một lời khen xã giao. Những nhân chứng có đủ thẩm quyền hơn về mặt này cũng không hiếm. Một giáo sĩ nước ngoài (chúng ta biết rằng nhiều nhà truyền đạo Thiên Chúa nước ngoài cũng là những người rất thạo tiếng Việt), đã có thể nói đến tiếng Việt như là một thứ tiếng “đẹp” và “rất rành mạch trong lối nói, rất uyển chuyển trong câu kéo, rất ngon lành trong những câu tục ngữ”^[1]. Tiếng Việt chúng ta gồm có một hệ thống nguyên âm và phụ âm khá phong phú. Tiếng ta lại giàu về thanh điệu. Giọng nói của người Việt Nam, ngoài hai thanh bằng (âm bình và dương bình^[2]) còn có bốn thanh trắc. Do đó, tiếng Việt có thể kể vào những thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm^[3] như những âm giai^[4] trong bản nhạc

trầm bổng. [...] Giá trị của một tiếng nói cố nhiên không phải chỉ là câu chuyện chất nhạc. Là một phương tiện trao đổi tình cảm ý nghĩ giữa người với người, một thứ tiếng hay trước hết phải thoả mãn được nhu cầu ấy của xã hội. Về phương diện này, tiếng Việt có những khả năng dồi dào về phân cấu tạo từ ngữ cũng như về hình thức diễn đạt. Từ vựng^[5] tiếng Việt qua các thời kì diễn biến của nó tăng lên mỗi ngày một nhiều. Ngữ pháp cũng dần dần trở nên uyển chuyển hơn, chính xác hơn. Dựa vào đặc tính ngữ âm của bản thân mình, tiếng Việt đã không ngừng đặt ra những từ mới, những cách nói mới hoặc Việt hoá những từ và những cách nói của các dân tộc anh em và các dân tộc láng giềng, để biểu hiện những khái niệm mới, để thoả mãn yêu cầu của đời sống văn hoá ngày một phức tạp về mọi mặt kinh tế, chính trị, khoa học, kĩ thuật, văn nghệ, ...

Chúng ta có thể khẳng định rằng: cấu tạo của tiếng Việt, với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây, là một chứng cứ khá rõ về sức sống của nó.

Nguồn: Đặng Thai Mai, “Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc”, *Tuyển tập Đặng Thai Mai*, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1984

[1] Guýt-xta-vơ Huê (Gustave Hue), Lời nói đầu tập *Từ điển Việt – Trung – Pháp*, Nhà in Trung Hòa, Hà Nội, 1937.

(chú thích của tác giả)

[2] Âm bình và dương bình: hai thanh bằng trong hệ thống thanh điệu của tiếng Việt. Âm bình (còn gọi là trầm bình): thanh huyền. Dương bình (còn gọi là phù bình): thanh ngang, không có dấu thanh.

[3] Ngữ âm: hệ thống các âm của một ngôn ngữ.

[4] Âm giai: (gam trong âm nhạc) thang bậc âm thanh, gồm những nốt nhạc liền nhau được sắp xếp theo một quy tắc nhất định.

[5] Từ vựng: toàn bộ các từ của một ngôn ngữ.

Và trả lời câu hỏi bên dưới:

Câu 1. Xác định nội dung của đoạn trích. (0.75 đ)

Câu 2. Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt nào? (0.75 đ)

Câu 3. Phát hiện và chỉ ra giá trị của biện pháp nghệ thuật trong câu sau:

“Một giáo sĩ nước ngoài (chúng ta biết rằng nhiều nhà truyền đạo Thiên Chúa nước ngoài cũng là những người rất thạo tiếng Việt), đã có thể nói đến tiếng Việt như là một thứ tiếng “đẹp” và “rất rành mạch trong lối nói, rất uyển chuyển trong câu kéo, rất ngon lành trong những câu tục ngữ”¹. (1.0 đ)

Câu 4. Qua nội dung đoạn trích, anh / chị hãy rút ra bài học cho bản thân mình.(0.5đ)

Phần 2 - Làm văn (7điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
Môn: Ngữ văn - Lớp 11

(*Hướng dẫn chấm có 03 trang*)

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Nội dung của đoạn trích: sự giàu có và đẹp đẽ của tiếng Việt trên nhiều phương diện: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đầy đủ nội dung: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời 2 biểu hiện: 0,5 điểm - Học sinh trả lời 1 biểu hiện: 0,25 điểm.	0,75
	2	Đoạn trích trên sử dụng phương thức nghị luận. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng phương thức biểu đạt: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời không cho điểm.	0,75
	3	-Phép liệt kê: <i>Việt như là một thứ tiếng “đẹp” và “rất rành mạch trong lối nói, rất uyển chuyển trong câu kéo, rất ngon lành trong những câu tục ngữ.</i> - Tác dụng: chỉ ra nhiều vẻ đẹp của Tiếng Việt trong lời nói, câu văn.	0,5 0,5
	4	Học sinh có thể rút ra nhiều bài học khác nhau: Sau đây là một số gợi ý: - Niềm tự hào về Tiếng Việt. - Luôn giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt. - Tình yêu Tiếng Việt và làm cho Tiếng Việt ngày càng giàu đẹp hơn... Hướng dẫn chấm: - Học sinh có thể trả lời một trong những nội dung trên bằng các cách diễn đạt tương đương vẫn đạt điểm tối đa.	0,5
II		LÀM VĂN	7,0
		Cảm nhận hai khổ thơ trong bài <i>Tràng Giang</i>- Huy Cận.	
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> <i>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.</i>	0,5
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> <i>Bức tranh thiên nhiên và tâm trạng, tình cảm của nhân vật trữ tình thể hiện trong hai khổ thơ đầu của bài thơ <i>Tràng Giang</i>; thành công về nghệ thuật của đoạn thơ.</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5

	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng, đảm bảo yêu cầu sau:</p>	5,0
	<p>* <i>Giới thiệu khái quát về tác giả Huy Cận, tác phẩm “Tràng Giang”, hai khổ thơ đầu.</i></p>	0,5
	<p>* <i>Cảm nhận về nội dung:</i></p> <p>- Khổ 1:</p> <p>+ Ba câu đầu mang đậm màu sắc cổ điển, vẽ lên hình ảnh <i>con thuyền</i> nhỏ nhoi, lênh đênh, trôi dạt trên dòng sông rộng lớn, mênh mông gợi cảm giác buồn, xa vắng, chia lìa.</p> <p>+ Câu cuối mang nét hiện đại với hình ảnh <i>đời thường</i>: cảnh củi khô (<i>củi một cành khô</i>) trôi nổi gợi lên cảm nhận về thân phận của những kiếp người nhỏ bé, bơ vơ giữa dòng đời.</p> <p>+ Đằng sau bức tranh thiên nhiên là tâm trạng cô đơn, lẻ loi, mối sầu <i>trăm ngả</i> của nhân vật trữ tình giữa trời đất. Tâm trạng của cái tôi bơ vơ, lạc lõng trước vũ trụ.</p> <p>- Khổ 2:</p> <p>+ Bức tranh thiên nhiên được hoàn chỉnh thêm với: <i>cồn nhỏ, gió dịu hiu, cây cối lơ thơ, chợ chiều đã vắng, làng xa, trời lên sâu chót vót, bến cô liêu...</i> Nhà thơ cố tìm sự giao cảm với vũ trụ cao rộng nhưng tất cả đều đóng kín. Bức tranh có thêm dấu hiệu sự sống con người nhưng không làm cho cảnh vật sống động hơn mà càng chìm sâu vào tĩnh lặng, hiu quạnh.</p> <p>+ Tâm trạng cô đơn, trống trải, rợn ngợp trước không gian ba chiều, trước vũ trụ rộng lớn.</p> <p>* <i>Cảm nhận về nghệ thuật:</i></p> <p>+ Sự kết hợp hài hòa giữa bút pháp cổ điển và hiện đại.</p> <p>+ Nghệ thuật đối, hình ảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm...</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Phân tích đầy đủ, sâu sắc (2,5 điểm); phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu (1,5 điểm - 2,0 điểm); phân tích chung chung, chưa rõ các ý (1,0 điểm); phân tích sơ lược, không rõ các ý (0,25 điểm - 0,5 điểm).</i></p>	4,5
	<p>* <i>Đánh giá</i></p> <p>- Bức tranh quen thuộc của phong cảnh sông nước quê hương vừa mang đậm nét cổ kính, chất Đường thi nhưng gần gũi, gợi linh hồn quê hương xứ sở.</p> <p>- Hai khổ thơ thể hiện nỗi buồn và nỗi cô đơn của con người nhất là con người trong khoảng những năm ba mươi của thế kỉ trước; niềm khát khao hòa nhập với cuộc đời của tác giả.</p> <p>Hướng dẫn chấm: <i>Học sinh đánh giá được mỗi ý: 0,25 điểm.</i></p>	0,5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: <i>Không cho điểm nếu bài làm mắc từ 05 lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5

	<p>Hướng dẫn chấm: Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh, mở rộng để làm nổi bật nội dung và nghệ thuật hai khổ thơ; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>- Đáp ứng được 02 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm. - Đáp ứng được 01 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	
	TỔNG ĐIỂM	10,0